

## ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – ĐỀ 4

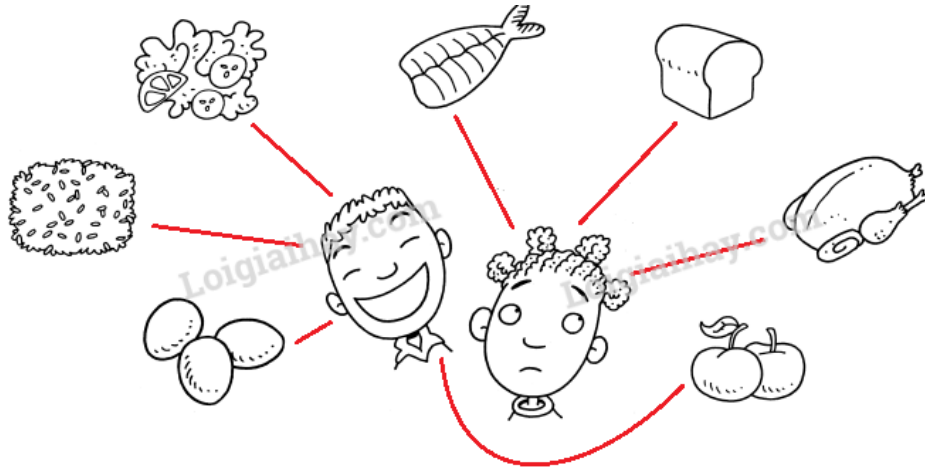
MÔN: TIẾNG ANH 2 ENGLISH DISCOVERY

 BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

### ĐÁP ÁN

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

#### I. Listen and match.



#### II. Look and complete.

1. dog	2. skirt	3. garden	4. sunny	5. ball	6. salad
--------	----------	-----------	----------	---------	----------

#### III. Reorder the words to make correct sentences.

1. Is it a frog?
2. What are you wearing?
3. Do you like sunny days?

### LỜI GIẢI CHI TIẾT

#### I. Listen and match. There is one example.

(Nghe và nối. Có một ví dụ.)

#### Bài nghe:

1. I like salad. (Mình thích món rau trộn.)
2. I don't like bread. (Mình không thích bánh mì.)
3. I like rice. (Mình thích cơm.)
4. I like apples. (Mình thích táo.)
5. I don't like fish. (Mình không thích cá.)

6. I like eggs. (Mình thích trứng.)

7. I don't like chicken. (Mình không thích thịt gà.)

## II. Look, read and complete. Use the available words.

(Nhìn, đọc và hoàn thành. Sử dụng những từ có sẵn.)

### Đoạn văn hoàn chỉnh:

I've got a **dog**. It's got four legs. I'm wearing a T-shirt and a **skirt**. I'm in the **garden**. It isn't snowy. It's **sunny**. I've got some toys. It's a **ball** and a doll. I like **salad**.

### Tạm dịch:

Mình có một chú cún. Nó có 4 chân. Mình đang mặc một chiếc áo phông và một chiếc chân váy. Mình đang ở trong vườn. Trời không có tuyết. Trời nắng. Mình có vài món đồ chơi. Đó là một quả bóng và một con búp bê. Mình thích món rau trộn.

## III. Reorder the words to make correct sentences.

(Sắp xếp lại các từ để tạo thành những câu đúng.)

1. Is it a frog? (Đó có phải là một con ếch không?)

2. What are you wearing? (Bạn đang mặc gì thế?)

3. Do you like sunny days? (Bạn có thích những ngày nắng không?)